

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày: 21-5-2024
“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Hoàng Khương;

Ông Nguyễn Thanh Nhân;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- **Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tri Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41B/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27A/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp RH, xã VT, huyện VT, tỉnh K; (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Văn G (6 G), sinh năm 1967; địa chỉ: ấp BH, xã VBB, huyện VT, tỉnh K. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp BH, xã VBB, huyện VT, tỉnh K. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2023 các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thanh T trình bày: Ông là chủ cửa hàng vật tư thủy sản, ông G và bà H là người đến mua thức ăn nuôi tôm của ông T rất nhiều lần, việc mua bán chỉ ghi sổ sách chứ không có làm biên nhận. Tuy nhiên, qua nhiều lần bán vật tư cho ông T và bà Hân cho đến năm 2021, ông G và bà H còn nợ lại tổng số tiền là 138.730.000 đồng, khi mua có thỏa thuận thời hạn 04 tháng sẽ trả nhưng

đến nay vợ chồng ông G không trả, ông T có đòi nhiều lần nhưng ông G cứ hẹn mà không trả. Nay ông T yêu cầu ông G và bà H trả cho ông số tiền nợ là 138.730.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự đề ngày 04/3/2024 bị đơn ông Phạm Văn G (6 G) và bà Nguyễn Thị H trình bày: Từ năm 2020 ông có mua vật tư thủy sản của Hộ kinh doanh T Đạt đại diện ông Phạm Thanh T, việc mua bán không có làm hợp đồng chỉ ghi sổ, các bên thỏa thuận thời gian trả tiền là cuối vụ tôm. Tuy nhiên, thường cuối vụ tôm vợ chồng ông G không trả dứt nợ chỉ trả được một phần, sau đó tiếp tục mua và nợ tiền. Tính đến nay thì vợ chồng ông G còn nợ ông T số tiền là 138.730.000 đồng. Đối với số tiền còn nợ vợ chồng ông G thống nhất trả cho ông T nhưng xin được trả dần mỗi năm trả 50.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 12/2024, trả vào ngày 19 hằng năm cho đến khi dứt nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh T buộc ông Phạm Văn G (6 G) và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho ông T số tiền 138.730.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn G (6 G) và bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông G và bà H.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn ông Phạm Thanh T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn G (6 G) và bà Nguyễn Thị H trả số tiền mua vật tư thủy sản còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Ông T có bán vật tư Thủy sản cho ông G và bà H, việc mua bán không có lập hợp đồng nhưng có sổ theo dõi, tính đến nay, ông G và bà H còn nợ lại ông T số tiền là 138.730.000 đồng. Ông T khởi kiện yêu cầu ông G và bà H trả số tiền còn nợ là 138.730.000 đồng; ông G và bà H thừa nhận còn nợ ông T số tiền trên. Căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Các bên chỉ không thống nhất nhau về thời gian trả. Ông T yêu cầu trong khoảng thời gian nhất định ông G và bà H phải trả cho ông số tiền còn nợ; ông G và bà H xin được trả dần mỗi năm trả 50.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 12/2024, trả vào ngày 19 hằng năm cho đến khi dứt nợ. Thấy rằng, bên bán ông T đã G hàng, bên mua ông G và bà H đã nhận hàng, đến nay đã quá thời hạn mà ông G và bà H chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông G và bà H liên đới trả cho ông T số tiền 138.730.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông G và bà H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 138.730.000 đồng tiền án phí là $138.730.000 \times 5\% = 6.936.500$ đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Phạm Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.468.250 đồng theo biên lai thu số 0003042 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271, 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh T buộc ông Phạm Văn G (6 G) và bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho ông Phạm Thanh T số tiền là 138.730.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Phạm Văn G (6 G) và bà Nguyễn Thị H phải chịu là 6.936.500 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn ông Phạm Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 3.468.250 đồng theo biên lai thu số 0003042 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (ông Nguyễn Văn T, bà Tô Thị Hân) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm